

Số: /QĐ-BCT
2574

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030”

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Điện lực 28/2004/QH11 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 24/2012/QH13;

Căn cứ Nghị định 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về Cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận tại Tờ trình số 18/TTr-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2012 về phê duyệt Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030; đề nghị của Sở Công Thương tỉnh Ninh Thuận tại công văn số 909/SCT_ĐN ngày 28 tháng 8 năm 2012 và số 1195/SCT-ĐN ngày 08 tháng 11 năm 2012 về phê duyệt Quy hoạch kèm theo Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030 do Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 lập;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Năng lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án “Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030” với các nội dung chính như sau:

1. Quan điểm quy hoạch:

- Quy hoạch phù hợp với tiềm năng phát triển điện gió của địa phương.
- Tạo điều kiện thuận lợi để huy động vốn từ các thành phần kinh tế nhằm khai thác lợi thế so sánh về tài nguyên gió, đất đai, góp phần đầu tư phát triển ngành công nghiệp năng lượng, tăng thêm nguồn điện góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và phục vụ mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương.
- Quy hoạch phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội, quy hoạch sử dụng đất địa phương và các quy hoạch phát triển ngành nhằm khai thác tốt tiềm năng, lợi thế hiện có của địa phương;

- Quy hoạch đảm bảo tính khả thi và đảm bảo hiệu quả phát triển kinh tế, xã hội khu vực.

2. Mục tiêu quy hoạch:

- Đến năm 2015, dự kiến công suất lắp đặt đạt khoảng 90 MW, với sản lượng điện gió tương ứng là 197 triệu kWh.

- Đến năm 2020, dự kiến công suất lắp đặt tích lũy đạt khoảng 220MW với sản lượng điện gió tương ứng là 482 triệu kWh.

3. Quy hoạch phát triển điện gió giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030:

3.1. Khu vực tiềm năng phát triển điện gió tỉnh Ninh Thuận:

Huyện	Vận tốc gió	Diện tích (ha)	Khu vực phân bố
TP. Phan Rang-Tháp Chàm	6,5-7,0	3.688	Phường Đô Vinh, Thành Hải, Phước Mỹ, Bảo An
	7,0-7,5	4.265	Phường Thành Hải, Phước Mỹ, Bảo An, Văn Hải, Đài Sơn, Phù Hà, Mỹ Bình, Mỹ Hương, Mỹ Hải, Tấn Tài, Đông Hải
Huyện Bác Ái	6,5-7,0	33.360	Xã Phước Bình, Phước Hòa, Phước Tân, Phước Tiến, Phước Đại, Phước Thắng, Phước Chính, Phước Thành, Phước Trung
	7,0-7,5	9.953	Xã Phước Bình, Phước Hòa, Phước Tân, Phước Tiến, Phước Đại, Phước Chính, Phước Thành, Phước Trung
	7,5-8,0	11.720	Xã Phước Bình, Phước Hòa, Phước Tân, Phước Tiến, Phước Đại, Phước Chính, Phước Thành, Phước Trung
	8,0-8,5	252	Xã Phước Thành
Huyện Ninh Hải	6,5-7,0	6.237	Xã Xuân Hải, Hộ Hải, Phương Hải, Tấn Hải, Trí Hải
	7,0-7,5	16.740	Xã Hộ Hải, Trí Hải, TT Khách Hải, Nhơn Hải, Thanh Hải, Vĩnh Hải
	7,5-8,0	910	Xã Vĩnh Hải
	8,0-8,5	1.979	Xã Vĩnh Hải
Huyện Thuận Nam	6,5-7,0	3.906	Xã Phước Hà
	7,0-7,5	14.080	Xã Phước Hà, Nhị Hà
	7,5-8,0	22.460	Xã Phước Hà, Nhị Hà, Phước Ninh, Phước Nam, Phước Dinh, Phước Minh, Phước Diêm, Cà Ná
	8,0-8,5	12.010	Xã Phước Hà, Phước Nam, Phước Dinh, Phước Minh, Phước Diêm, Cà Ná
	8,5-9,0	5.676	Xã Phước Hà, Nhị Hà, Phước Nam, Phước Dinh, Phước Minh, Phước Diêm, Cà Ná
Huyện Ninh Sơn	6,5-7,0	40.660	Xã Nhơn Sơn, Mỹ Sơn, TT Tân Sơn, Lương Sơn, Lâm Sơn, Quảng Sơn, Hòa Sơn, Hòa Sơn, Ma Nới
	7,0-7,5	4.992	Xã Lương Sơn, Lâm Sơn, Quảng Sơn, Hòa Sơn, Hòa Sơn, Ma Nới

Huyện	Vận tốc gió	Diện tích (ha)	Khu vực phân bố
	7,5-8,0	7.704	Xã Lương Sơn, Ma Núi
	8,0-8,5	872	Xã Ma Núi
Huyện Thuận Bắc	6,5-7,0	14.190	Xã Phước Chiến, Công Hải, Phước Kháng, Lợi Hải, Bắc Phong, Bắc Sơn
	7,0-7,5	10.280	Xã Phước Chiến, Công Hải, Phước Kháng, Lợi Hải, Bắc Phong, Bắc Sơn
	7,5-8,0	3.613	Xã Phước Chiến, Công Hải, Phước Kháng, Lợi Hải
	8,0-8,5	1.182	Xã Phước Chiến, Công Hải, Phước Kháng
Huyện Ninh Phước	6,5-7,0	7.262	Xã Phước Vinh, Phước Sơn, Phước Thái
	7,0-7,5	14.130	Xã Phước Vinh, Phước Sơn, Phước Thái, Phước Hậu, Phước Thuận, Phước Hữu, Phước Dân, An Hải, Phước Hải
	7,5-8,0	9.055	Xã Phước Thái, Phước Hữu, Phước Dân, An Hải, Phước Hải

3.2. Quy hoạch khu vực tiềm năng phát triển dự án điện gió giai đoạn 2011 – 2020, tầm nhìn đến 2030:

Năm khu vực quy hoạch, cụ thể như sau:

Vùng	Phân bố	Tổng diện tích (ha)	Công suất dự kiến (MW)
Vùng 1	Huyện Thuận Bắc (Xã Công Hải, Lợi Hải, Bắc Phong) và Huyện Ninh Sơn (Xã Nhơn Sơn, Mỹ Sơn) và Huyện Ninh Hải (Xã Xuân Hải), Huyện Bác Ái (Xã Phước Trung)	2.446	163
Vùng 2	Huyện Ninh Hải và Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm (Phường Văn Hải, Đông Hải)	3.926	262
Vùng 3	Huyện Ninh Phước (Xã Phước Vinh, Phước Sơn, Phước Hậu, Phước Thái, Phước Hữu) và Thuận Nam (Phước Ninh, Phước Minh, Nhị Hà)	5.664	378
Vùng 4	Vùng ven biển huyện Ninh Phước (Xã Anh Hải, Phước Hải, Thị trấn Phước Dân, Phước Thuận) và Thuận Nam (Phước Nam, Phước Minh, Phước Dinh, Phước Diêm)	3.132	209
Vùng 5	Huyện Ninh Sơn (Thị trấn Tân Sơn, Quảng Sơn) và Huyện Bác Ái (Xã Phước Thắng, Phước Tiến)	6.264	418
	Tổng cộng	21.432	1.429

3.3. Quy hoạch quy mô công suất khu vực phát triển dự án và Danh mục phát triển dự án giai đoạn đến năm 2020:

a. Quy mô công suất phát triển dự án giai đoạn đến 2020:

Vùng	Phân bố	Công suất quy hoạch (MW)
Vùng 1	Huyện Thuận Bắc (Xã Công Hải, Lợi Hải, Bắc Phong) và Huyện Ninh Sơn (Xã Nhơn Sơn, Mỹ Sơn) và Huyện Ninh Hải (Xã Xuân Hải), Huyện Bác Ái (Xã Phước Trung)	60
Vùng 3	Huyện Ninh Phước (Xã Phước Vinh, Phước Sơn, Phước Hậu, Phước Thái, Phước Hữu) và Thuận Nam (Phước Ninh, Phước Minh, Nhị Hà)	100
Vùng 4	Vùng ven biển huyện Ninh Phước (Xã Anh Hải, Phước Hải, Thị trấn Phước Dân, Phước Thuận) và Thuận Nam (Phước Nam, Phước Minh, Phước Dinh, Phước Diêm)	60
	Tổng cộng	220

b. Danh mục dự án điện gió dự kiến phát triển giai đoạn đến 2020:

Số TT	Tên dự án	Diện tích nghiên cứu
Vùng 1		
1	Nhà máy điện gió Công Hải	310 ha
2	Nhà máy điện gió Thuận Bắc	320 ha
3	Nhà máy điện gió Trung Nam	900 ha
4	Nhà máy sản xuất điện gió số 10	950 ha
Vùng 3		
5	Nhà máy điện gió số 5	320ha
6	Nhà máy điện dùng năng lượng tái tạo Phước Nam – Enfinity	98,6 ha + 609ha + 576ha
7	Phong điện 1 – Ninh Thuận	272ha
8	Nhà máy điện gió Phước Hữu	453 ha
9	Nhà máy điện gió Phước Dân	965ha
Vùng 4		
10	Nhà máy điện gió An Phong	2.230ha
11	Nhà máy điện gió Phước Hải	980ha
12	Nhà máy điện gió Mũi Dinh	200 ha

Danh mục dự án điện gió này sẽ được điều chỉnh phù hợp với thực tế đầu tư và tiến độ đưa vào vận hành các dự án điện gió của tỉnh.

Vị trí, tọa độ ranh giới các dự án điện gió quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020 tại Phụ lục 1.

4. Phương án đấu nối lưới điện quốc gia các dự án điện gió quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020:

Phê duyệt phương án đấu nối, quy mô, tiến độ xây dựng các hạng mục công trình đường dây và trạm biến áp cho các dự án điện gió trong giai đoạn quy hoạch như sau:

4.1. Vùng 1: Xây dựng 2 trạm biến áp nâng áp lên 110kV PĐV1-1 và PĐV1-2, công suất 40MVA mỗi trạm, để nâng áp và đấu nối chuyển tiếp vào hệ thống điện quốc gia.

4.2. Vùng 3

+ Xây dựng mới trạm biến áp 110/220kV tại Ninh Phước; công suất 1x 125MVA, để thu gom công suất từ các trạm nâng áp của các nhà máy điện gió vào hệ thống điện quốc gia. Tiến độ vận hành đồng bộ với tiến độ lắp đặt các dự án điện gió ở vùng 3 đạt 100MW (dự kiến trong giai đoạn 2016-2020).

+ Xây dựng các trạm biến áp 110kV PĐV3-1, PĐV3-2 và PĐV3-3, công suất 40MVA mỗi trạm, để nâng áp và đấu nối các nhà máy điện gió vào hệ thống điện quốc gia.

4.3 Vùng 4

+ Xây dựng các trạm biến áp 110kV PĐV4-1 và 110kV PĐV4-2, công suất 40MVA mỗi trạm, để nâng áp và đấu nối các dự án điện gió vào hệ thống điện quốc gia.

Phương án đấu nối các nhà máy điện gió vào hệ thống điện quốc gia, quy mô và tiến độ xây dựng các hạng mục công trình đường dây và trạm biến áp sẽ được phê duyệt bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

a. Chỉ đạo tổ chức công bố Quy hoạch và Danh mục dự án phát triển điện gió trong giai đoạn quy hoạch; Tổ chức theo dõi, đánh giá, kiểm tra và giám sát việc thực hiện Quy hoạch phát triển điện gió địa phương.

b. Chỉ đạo rà soát, hoàn chỉnh Quy hoạch sử dụng đất và Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng phù hợp với Quy hoạch phát triển điện gió; Chỉ đạo thực hiện, ưu tiên khai thác phát triển điện gió và phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đất tại các khu vực tiềm năng phát triển điện gió trong giai đoạn Quy hoạch nhằm đảm bảo hài hòa với Quy hoạch quản lý và khai thác khoáng sản.

c. Khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia đầu tư, giành quỹ đất cho các công trình trong Quy hoạch phát triển điện gió.

d. Phối hợp với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty truyền tải điện quốc gia, Tổng công ty Điện lực miền Nam xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Quy hoạch trong từng giai đoạn một cách cụ thể, phù hợp.

e. Quản lý, theo dõi, giám sát và thực hiện báo cáo hoạt động đầu tư phát triển dự án điện gió tại địa phương theo quy định.

2. Giao Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia, Tổng công ty Điện lực miền Nam phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận để thực hiện Quy hoạch. Trong quá trình đầu tư xây dựng các công trình lưới điện truyền tải, các đơn vị điện lực cần tuân thủ đúng cấu trúc lưới điện, quy mô và cấp điện áp được phê duyệt; tuân thủ các Quy định về hệ thống điện truyền tải và Quy định về hệ thống điện phân phối đã được Bộ Công Thương ban hành.

3. Sở Công Thương Ninh Thuận chỉ đạo Tư vấn hoàn thiện đề án quy hoạch theo đúng các nội dung được duyệt tại Quyết định này và gửi đề án đã hoàn thiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Bộ Công Thương, Tổng cục Năng lượng, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia, Tổng công ty Điện lực miền Nam, Công ty Điện lực Ninh Thuận để quản lý và thực hiện Quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Năng lượng, Tổng giám đốc Tập đoàn điện lực Việt Nam, Tổng giám đốc Tổng Công ty Truyền tải điện quốc gia, Tổng giám đốc Tổng Công ty Điện lực miền Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KHĐT;
- UBND tỉnh Ninh Thuận;
- Sở Công Thương Ninh Thuận;
- Tập đoàn điện lực Việt Nam;
- Tổng Công ty Truyền tải điện quốc gia;
- Tổng Công ty Điện lực miền Nam;
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
- Lưu: VT, TCNL (02).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Dương Quang

PHỤ LỤC 1: VỊ TRÍ, TỌA ĐỘ RANH GIỚI CÁC DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ QUY HOẠCH GIAI ĐOẠN 2011 – 2020
(Theo hệ VN – 2000, Khu vực Ninh Thuận)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BCT ngày 23 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

2 574

1/ Dự án Nhà máy điện gió Công Hải

- Địa điểm: xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận (thửa số 2)
- Diện tích khảo sát, nghiên cứu: 310ha.
- Tọa độ ranh giới các điểm góc:

Điểm	1	2	3	4	5	6
X	590932	591703	593063	592835	592398	591272
Y	1301842	1301571	1304361	1304528	1304751	1303389

2/ Dự án Nhà máy phong điện Thuận Bắc

- Địa điểm: xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận (thửa số 3)
- Diện tích khảo sát, nghiên cứu: 320ha.
- Tọa độ ranh giới các điểm góc:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8
X	589247	588954	588579	588573	589280	589850	590181	590282
Y	1299242	1298764	1297798	1296730	1296769	1296877	1298407	1298750

3/ Dự án Nhà máy điện gió Trung Nam

- Địa điểm: xã Lợi Hải, xã Bắc Phong - huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận (thửa số 4)
- Diện tích khảo sát, nghiên cứu: 900ha.
- Tọa độ ranh giới các điểm góc:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8
X	586670	586600	586582	586337	586130	585990	585576	585592

Y	1295624	1296367	1296884	1297461	1298027	1298189	1298047	1297656
Điểm	9	10	11	12	13	14	15	16
X	585523	585440	585344	585237	584423	583506	582525	582529
Y	1297000	1296444	1295951	1295370	1294858	1294585	1294462	1294109
Điểm	17	18	19	20	21	22	23	24
X	582716	582768	582797	582975	583229	583495	584652	585897
Y	1293001	1292749	1292422	1292184	1292010	1291861	1293335	1294771

4/ Dự án đầu tư thí điểm nhà máy sản xuất điện gió số 10:

- Địa điểm: xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận (thửa số 10)
- Diện tích khảo sát, nghiên cứu: 950 ha.
- Toạ độ ranh giới các điểm góc:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
X	587701	587470	587082	588093	589615	588976	589116	588794	588361	587503
Y	1299742	1299027	1297565	1297575	1301741	1302004	1303239	1303568	1302805	1301741

5/ Dự án nhà máy phong điện số 5 :

- Địa điểm: xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước và xã Phước Ninh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận (thửa số 5)
- Diện tích khảo sát, nghiên cứu: 320ha.
- Toạ độ ranh giới các điểm góc:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8
X	566642	567224	566847	567524	567156	566820	567010	567602
Y	1273619	1273354	1272724	1272038	1271439	1271226	1270854	1269974

Điểm	9	10	11	12	13	14	15	
X	568001	568848	568424	569018	567806	568280	567122	
Y	1269268	1269648	1270518	1271782	1272430	1273954	1274464	

6/ Dự án Nhà máy điện dùng năng lượng tái tạo Phước Nam – Enfinity – Ninh Thuận

- Địa điểm: xã Phước Minh, Phước Nam, Phước Ninh- huyện Thuận Nam và xã Phước Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận (thửa số 7, 7A, 7B)
- Diện tích khảo sát, nghiên cứu: 98,6 ha + 609ha + 576ha.
- Toạ độ ranh giới các điểm góc:

Thửa số 7

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8
X	540363	540357	540341	540329	539501	539209	538957	538381
Y	1266970	1267447	1268797	1269784	1269778	1269776	1269498	1269339
Điểm	9	10	11	12	13	14	15	
X	538382	538385	538388	538392	538394	538818	539946	
Y	1269303	1268604	1267912	1266863	1266370	1266376	1266392	

Thửa số 7A

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8
X	543350	544631	544949	545313	545758	546103	545851	545362
Y	1265019	1264252	1264697	1264965	1264791	1264627	1264216	1263005
Điểm	9	10	11	12	13			

X	545385	544509	544121	543611	543496			
Y	1261488	1261515	1261490	1262883	1263403			

Thửa số 7B

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8
X	545114	545794	546256	547386	547378	549824	549649	549539
Y	1269677	1270645	1271047	1271154	1270767	1269908	1269685	1269507
Điểm	9	10	11					
X	547034	547038	545986					
Y	1269468	1268915	1268830					

7/ Dự án Phong điện I – Ninh Thuận

- Địa điểm: xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận (thửa số 12)
- Diện tích khảo sát, nghiên cứu: 272ha.
- Toạ độ ranh giới các điểm góc:

Điểm	1	2	3	4	5	6
X	569368	568696	568567	567725	568144	568841
Y	1260951	1261147	1261273	1261326	1258725	1258659

8/ Dự án Nhà máy điện gió Phước Hữu:

- Địa điểm: xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận (thửa số 16)
- Diện tích khảo sát, nghiên cứu: 453 ha.
- Toạ độ ranh giới các điểm góc:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----



X	568463	568410	568640	568784	569488	569507	570400	570835	570425	570312
Y	1272856	1273576	1274514	1274946	1274984	1274843	1275172	1274925	1274454	1273925
Điểm	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
X	570433	570304	570291	569082	568852	568990	568988	568757	568526	
Y	1273828	1273587	1273324	1271808	1271909	1272421	1272621	1272786	1272868	

9/ Dự án Nhà máy điện gió Phước Dân:

- Địa điểm: xã Phước Hữu, Phước Thái, Phước Hậu, Phước Dân - huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận (thửa số 17)
- Diện tích khảo sát, nghiên cứu: 965ha.
- Tọa độ ranh giới các điểm góc:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7
X	573234	573340	573870	574308	574470	570872	571033
Y	1276157	1276580	1276437	1277432	1278343	1280096	1276341

10/ Dự án nhà máy điện gió An Phong:

- Địa điểm: xã An Hải, Phước Hải -huyện Ninh Phước và xã Phước Dinh -huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận (thửa số 6)
- Diện tích khảo sát, nghiên cứu: 2.230ha.
- Tọa độ ranh giới các điểm góc:

Điểm	1	2	3	4	5
X	574896	575082	582380	582260	578107
Y	1273293	1270730	1268220	1272628	1272183

11/ Dự án Nhà máy điện gió Phước Hải:

- Địa điểm: xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận (thửa số 9)

- Diện tích khảo sát, nghiên cứu: 980ha.
- Toạ độ ranh giới các điểm góc:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8
X	576313	577096	577378	577535	577784	578039	578901	579398
Y	1266430	1268256	1268094	1268179	1267869	1266550	1265918	1265263
Điểm	9	10	11	12				
X	580474	581371	581605	580768				
Y	1264196	1263118	1262921	1261926				

12/ Dự án Nhà máy điện gió Mũi Dinh:

- Địa điểm: xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận (thửa số 11)
- Diện tích khảo sát, nghiên cứu: 200 ha.
- Toạ độ ranh giới các điểm góc:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7
X	579501	579771	580154	580785	582108	582348	581807
Y	1265286	1265511	1265197	1265483	1264805	1263455	1262974